

Bản án số: 08/2023/KDTM - PT

Ngày: 12 -6 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Phạm Văn Tinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2023/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1475/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm: 1982 - chủ Doanh nghiệp tư nhân P1.99362.TS;

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Nhật H, sinh năm: 1992, địa chỉ: Số D, đường T, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; là người đại diện theo ủy quyền của chủ Doanh nghiệp tư nhân P1 BT.99362.TS (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/10/2022); có mặt.

2. Bị đơn: Tổng Công ty cổ phần B1;

Trụ sở: Số B, T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng của bị đơn:

- Ông Nguyễn Huy T1 - Chức vụ: Phó Giám đốc Ban bảo hiểm hàng hải của Tổng Công ty cổ phần B1, địa chỉ: số B, T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/12/2022); vắng mặt.

- Bà Nguyễn Lê Nam P - Chức vụ: Chuyên viên pháp lý của Tổng Công ty cổ phần B1, địa chỉ: số B, T, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/12/2022); có mặt.

- Ông Trần Nhật Q - Chức vụ: Trưởng phòng nghiệp vụ của Công ty B2, địa chỉ: số A, đường N, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/12/2022); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty B2;

Trụ sở: Số A, đường N, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng của Công ty B2: Ông Trần Nhật Q - Chức vụ: Trưởng phòng nghiệp vụ của Công ty B2, địa chỉ: số A, đường N, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/11/2022); có mặt.

3.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần C1;

Trụ sở: Số A, T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Minh B - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần C1:

- Ông Trần Thanh T2 - Trưởng phòng giao dịch huyện B thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 - chi nhánh B3, địa chỉ liên hệ: số B, đường Đ, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre, là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2021 và ngày 28/02/2023); vắng mặt.

- Ông Trịnh Minh C - Phó trưởng phòng tổng hợp thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 - chi nhánh B3, địa chỉ: số B, đường Đ, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre, là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2021 và ngày 28/02/2023); có mặt.

- Ông Nguyễn Văn T3 - Trưởng phòng bán lẻ thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 - chi nhánh B3, địa chỉ: số B, đường Đ, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre, là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2021 và ngày 28/02/2023); vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T4 - Trưởng phòng giao dịch huyện B thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 - chi nhánh B3, địa chỉ liên hệ: số B, đường Đ, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre, là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2021 và ngày 28/02/2023); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty cổ phần B2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Nhật H trình bày:

Doanh nghiệp tư nhân P1.99362.TS (sau đây viết tắt là: P1.99362.TS) do bà Lê Thị K là P1.99362.TS có đơn bảo hiểm tàu cá với Tổng Công ty cổ phần B1 (gọi tắt là Bảo M) do Công ty B2 phát hành số MHS/02048231 và bà K đã nộp phí với số tiền là 20.148.240 đồng. Nội dung đơn bảo hiểm tàu cá:

- Người được bảo hiểm là P1.99362.TS, mã số khách hàng là 00491075; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre;

- Thời hạn bảo hiểm: từ ngày 20/5/2021 đến ngày 19/5/2022;

- Tổng phí bảo hiểm: 20.148.240 đồng;

- Thông tin chi tiết về đối tượng được bảo hiểm:

+ Tên tàu: BT-94536-TS;

+ Năm đóng, nơi đóng: 2015, Bến Tre;

+ Cấp tàu: Vietnam Register;

+ Quốc tịch tàu: Việt Nam;

+ Vật liệu thân tàu: Gỗ;

+ Trọng tải: 97,20;

+ Tổng dung tích: 162,00;

+ Số ghế: 15,00;

+ Công suất máy: 1.600,00;

+ Phạm vi hoạt động: theo quy định của đăng kiểm;

+ Giá trị thực tế: 6.000.000.000 đồng;

+ Bao gồm: Thân vỏ, máy móc, thiết bị;

+ Tổng số tiền bảo hiểm: 2.500.000.000 đồng;

+ Mức khấu trừ: 2,5% STBT/vụ tổn thất nhưng không thấp hơn 500.000 đồng;

+ Đối tượng bảo hiểm: Thân tàu cá - Điều kiện A;

+ Số tiền bảo hiểm: 2.500.000.000 đồng.

Đối với điều kiện, điều khoản, quy tắc, đoạn kết và sửa đổi, bổ sung; điều khoản chấp dứt và khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm thì P1.99362.TS không được Công ty B2 cung cấp, giải thích trong quá trình ký kết hợp đồng.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12/11/2021, trong lúc tàu cá số BT-94536.TS (chiếc cái) đang neo đậu tại vùng biển Vũng Tàu - C thì hầm máy phát cháy, khói bốc ra rất nhiều. Thuyền viên dùng bình chữa cháy và vòi nước xịt (ống nước xả của máy đèn) vào hầm máy khoảng 5 phút sau thì lửa bùng phát lên rất nhiều. Các thuyền viên chạy ra trước Boong tàu, lúc này tàu cá số BT - 99362.TS (Chiếc đực) dùng vòi xịt nước khoảng 05 phút sau thì lửa bùng phát mạnh. Do lo sợ cháy lan sang tàu cá BT - 99362.TS nên thuyền trưởng điều động tàu dạt ra xa. Khoảng 10 phút sau lửa bùng phát mạnh cháy toàn tàu đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày tàu cá số BT-94536.TS bị cháy và chìm xuống biển chỉ còn nổi phần mũi lơ lờ dưới nước. Lúc này, do có 03 thuyền viên bị cháy nặng nên thuyền trưởng điều động tàu cá BT-99362.TS chạy vào Côn Đảo đưa 03 thuyền viên lên đảo di chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh để chữa trị. Sau đó tàu cá số BT-99362.TS chạy ra vị trí sự cố để canh giữ tàu cá, đồng thời thông báo chủ tàu thuê trực vớt ra để trực vớt tàu cá.

Đến ngày 15/11/2021 đơn vị trực vớt ra đến vị trí tàu cá chìm tiến hành lai dất vào Côn Đảo đến ngày 16/11/2021 và tiến hành gia cố. Sau đó lai dất về đất liền sửa chữa. Đến khoảng 03 giờ 00 phút ngày 20/11/2021 tàu cá số BT-94536.TS về đến đất liền tại ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Thiệt hại xảy ra do vụ cháy theo Giám định của Công ty cổ phần T6 là 5.139.051.310 đồng nhưng theo hợp đồng bảo hiểm tàu cá giữ P1.99362.TS và Công ty B2 Tổng số tiền bảo hiểm là 2.500.000.000 đồng. Vì thế, ngày 20/11/2021, P1.99362.TS đã làm đơn yêu cầu Công ty B2 chi trả số tiền bảo hiểm là 2.500.000.000 đồng.

Tuy nhiên, theo Văn bản số 1866/2022-BM/HH ngày 23/9/2022 của Công ty B2. Nội dung: Công ty B2 từ chối bồi thường vì lý do: “Vị trí của Tàu cá số BT-94536.TS tại thời điểm xảy ra sự cố cháy và chìm tại tọa độ 07035’10”N - 107004’35”E thuộc vùng biển Vũng Tàu - C đã vi phạm vùng hoạt động theo cấp tàu (hạn chế II - theo giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá) nên thuộc điểm loại trừ bảo hiểm theo khoản 5.1.2 Điều khoản BH thân tàu cá (Bảo Minh-CL 001-TCA1/7/2020)”. Công ty B2 từ chối bồi thường cho P1.99362.TS với lý do thuộc điều khoản loại trừ.

Vì vậy, bà Lê Thị K - Chủ P1.99362.TS khởi kiện yêu cầu buộc Tổng công ty cổ phần B1 bồi thường số tiền: 1.849.767.513 đồng, và tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền 1.849.767.513 đồng với lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) tính từ ngày 23/9/2022 đến ngày tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Bà Lê Thị K - Chủ P1.99362.TS xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền yêu cầu bảo hiểm là 846.492.720 đồng và tiền lãi suất đối với số tiền trên.

Do tàu cá BT-94536-TS còn đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 và bà K - Chủ P1.99362.TS còn nợ tiền vay tại Ngân hàng, Ngân hàng

là người thụ hưởng theo đơn yêu cầu bảo hiểm nên bà K - chủ P1.99362.TS đồng ý giao số tiền bồi thường bảo hiểm mà P1.99362.TS được nhận cho Ngân hàng để Ngân hàng thu hồi nợ.

Theo bản tự khai, các tài liệu chứng cứ, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Lê Nam P và ông Trần Nhật Q trình bày:

Tổng công ty cổ phần B1 và Công ty B2 thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian ký kết, thực hiện hợp đồng bảo hiểm giữa các bên và sự việc xảy ra sự kiện bảo hiểm. Tổng Công ty cổ phần B1 từ chối bảo hiểm cho bà Lê Thị K - Chủ P1.99362.TS với lý do các căn cứ sau:

Căn cứ Theo Báo cáo giám định số CT001/21/GĐ của CVIC thì: “Nguyên nhân dẫn đến sự cố cháy và chìm tàu cá số BT - 94536.TS tại khu vực có tọa độ 07°35’N - 107°04’E thuộc vùng biển Vũng Tàu, Việt Nam là do chập điện đã tạo nên tia lửa làm cháy dầu, cháy vật dụng xung quanh, sau đó cháy lan ra toàn bộ tàu cá.”

Xét Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá số 1530/ĐKTC do Trung tâm Đăng kiểm tàu cá Cà Mau cấp ngày 07/06/2021 có hiệu lực đến ngày 04/06/2022 thì tàu cá số BT - 94536.TS có chiều dài lớn nhất 28,30 mét, công suất máy chính là 1.176,80 Kw (1.600 CV), cấp tàu: Hạn chế II.

C2 (T7:2000) Quy phạm phân cấp và đóng tàu cá biển (tàu có chiều dài trên 20m) thì:

“Kí hiệu cấp tàu cơ bản có thể được bổ sung thêm các dấu hiệu sau đây:

I, II, III: Dấu hiệu hạn chế vùng hoạt động

...

(ii) Dấu hiệu II: Biểu thị tàu cá được phép hoạt động trong vùng ven biển hạn chế cách xa bờ hoặc nơi trú ẩn không quá 50 hải lý với chiều cao sóng h3% cho phép không lớn hơn 6,00 m.”

Như vậy, tàu cá số BT - 94536.TS lúc xảy ra tổn thất đang ở cách xa bờ 65 hải lý (121 km) là vi phạm quy định hoạt động về cấp tàu. Căn cứ theo Điều 5.1.2, Điều kiện bảo hiểm A - Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá 2020 đã được cấp cho tàu BT - 94536.TS quy định về loại trừ bảo hiểm:

“5.1 Bảo Minh không bồi thường những tổn thất xảy ra trong thời hạn bảo hiểm, kể cả những tổn thất gây ra bởi những rủi ro được bảo hiểm trong những trường hợp dưới đây:

5.1.2 Tàu được bảo hiểm hoạt động không đúng vùng hoạt động quy định bởi Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá hay quy định khác của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.”

Tại thời điểm xảy ra sự cố cháy và chìm tại tọa độ 07°35’N - 107°04’E thuộc vùng biển Vũng Tàu - C, tàu cá BT - 94536.TS đã vi phạm vùng hoạt

động cấp tàu hạn chế II theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá. Do đó, tổn thất được xác định như trên thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá 2020. Vì vậy, Tổng Công ty cổ phần B1 và Công ty B2 từ chối giải quyết bồi thường bảo hiểm cho bà Lê Thị K - Chủ P1.99362.TS do thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị trừ ra các chi phí không hợp lý như tổn thất trang thiết bị trên tàu với số tiền 617.000.000 đồng, số tiền khấu hao của tàu là 10% trên tổng số tiền được bảo hiểm theo thỏa thuận tại mục 11.6.2 của điều khoản kèm theo, số tiền khấu trừ 2,5% theo thỏa thuận trong đơn bảo hiểm và trừ theo tỷ lệ % đối với số tiền thanh lý thu hồi.

Theo bản tự khai, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án; lời trình bày tại biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 là ông Trịnh Minh C và bà Nguyễn Thị T4 trình bày:

Do sự kiện rủi ro cháy tàu cá BT-94536-TS xảy ra vào ngày 12/11/2021 là trong thời gian hợp đồng bảo hiểm giữa bà Lê Thị K - Chủ P1-94536-TS còn hiệu lực, tại thời điểm xảy ra sự cố thì giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá và giấy phép khai thác thủy sản của tàu cá vẫn còn hiệu lực. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo đơn yêu cầu bảo hiểm thì Ngân hàng C1 - chi nhánh B3 là đối tượng được thụ hưởng và hiện bà Lê Thị K - Chủ P1-94536-TS còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 tạm tính đến ngày 19/3/2023 tổng số tiền là 6.284.326.872 đồng, bao gồm: nợ gốc là 5.825.000.000 đồng, lãi 459.326.872 đồng. Số tiền nợ trên là do bà Lê Thị K - Chủ P1-94536-TS vay vốn của Ngân hàng theo 03 hợp đồng tín dụng là hợp đồng tín dụng số 12736.064/2021-HĐCVHM/NHCT78034 ngày 15/4/2021, hợp đồng tín dụng số 12736.065/2021-HĐCVHM/NHCT78034 ngày 15/4/2021 và hợp đồng tín dụng số 12736.010/2022-HĐCV/NHCT78034 ngày 25/01/2022. Tàu cá BT-94536-TS là tài sản dùng để đảm bảo cho 03 hợp đồng tín dụng đã ký kết, trong đó có 02 hợp đồng ký kết trước thời điểm phát sinh rủi ro và 01 hợp đồng ký kết sau thời điểm phát sinh rủi ro.

Để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng, trường hợp nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì số tiền bồi thường bảo hiểm, Ngân hàng đề nghị được nhận để thu hồi nợ cho Ngân hàng và số tiền này sẽ được trừ vào số tiền dư nợ mà bà Lê Thị K - Chủ P1-94536-TS đang còn dư nợ vào thời điểm Tổng Công ty cổ phần B1 bồi thường bảo hiểm. Trường hợp vào thời điểm nhận bồi thường bảo hiểm, số dư nợ của bà Lê Thị K - Chủ P1-94536-TS tại Ngân hàng

thấp hơn số tiền nhận bồi thường bảo hiểm hoặc đã trả tất nợ cho Ngân hàng thì bà Lê Thị K - Chủ P1-94536-TS được quyền nhận số tiền bồi thường bảo hiểm còn lại hoặc toàn bộ sau khi đã trả nợ vay cho Ngân hàng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, các Điều 217, 218, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 29, 43, 46, 47 Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K - chủ P1.99362.TS đối với Tổng Công ty cổ phần B1 về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm, cụ thể tuyên:

Buộc Tổng Công ty cổ phần B1 có trách nhiệm bồi thường cho bà Lê Thị K - chủ P1.99362.TS số tiền 1.735.394.472 đồng (Một tỷ bảy trăm ba mươi lăm triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi hai) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 được thụ hưởng số tiền mà Tổng Công ty cổ phần B1 bồi thường cho bà Lê Thị K - chủ P1.99362.TS trong phạm vi tương ứng với số tiền mà bà Lê Thị K - chủ P1.99362.TS còn dư nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 vào thời điểm Tổng Công ty cổ phần B1 bồi thường bảo hiểm (dư nợ theo các hợp đồng tín dụng số 12736.064/2021-HĐCVHM/NHCT78034 ngày 15/4/2021, hợp đồng tín dụng số 12736.065/2021-HĐCVHM/NHCT78034 ngày 15/4/2021 và hợp đồng tín dụng số 12736.010/2022-HĐCV/NHCT78034 ngày 25/01/2022 giữa bà Lê Thị K - chủ P1.99362.TS và Ngân hàng Thương mại cổ phần C1). Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 có trách nhiệm khấu trừ số tiền thụ hưởng vào số tiền dư nợ vay mà bà Lê Thị K - chủ P1.99362.TS còn nợ Ngân hàng cổ phần C1 tại thời điểm nhận tiền bồi thường bảo hiểm và bà Lê Thị K - chủ P1.99362.TS được nhận số tiền bồi thường bảo hiểm còn lại khi đã thanh toán xong tổng dư nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C1. Trường hợp tại thời điểm Tổng Công ty cổ phần B1 bồi thường tiền bảo hiểm nêu trên, bà Lê Thị K - chủ P1.99362.TS đã thanh toán tất nợ vay cho Ngân hàng cổ phần C1 thì bà Lê Thị K - chủ P1.99362.TS được nhận toàn bộ số tiền bảo hiểm nêu trên từ Tổng Công ty cổ phần B1.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K - chủ P1.99362.TS đối với Tổng Công ty cổ phần B1 về việc yêu cầu bồi thường số tiền bảo hiểm là 846.492.720 (T5 trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi) đồng và số tiền lãi suất đối với số tiền này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/3/2023, bị đơn Công ty B2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày sự việc xảy ra thuộc phạm vi bảo hiểm nhưng thuộc trường hợp điều khoản loại trừ nên Công ty B2 không đồng ý bồi thường. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tài liệu chứng cứ bị đơn cung cấp cho Tòa án chưa thể hiện bị đơn đã giải thích điều khoản loại trừ cho nguyên đơn và bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu mới để chứng minh cho kháng cáo là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 285, Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Lê Thị K khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty cổ phần B1 trả số tiền bảo hiểm thân tàu cá là 2.500.000.000 đồng theo đơn bảo hiểm đã giao kết với khách hàng, do tàu cá số BT 94536 bị cháy và chìm khi đang hoạt động tại tọa độ 07°35'N - 107°04'E thuộc vùng biển Vũng Tàu. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 846.492.720 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn chi trả là 1.653.507.280 đồng, yêu cầu tính lãi của số tiền trên với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) kể từ ngày 23/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn Công ty B2 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo quy định tại khoản 5.1 do tại thời điểm xảy ra sự cố cháy và chìm, tàu cá BT - 94536.TS đã vi phạm vùng hoạt động cấp tàu hạn chế II theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu.

[3] Xét thấy, theo giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá số 1530/ĐKTC ngày 07/6/2021 của Trung tâm đăng kiểm tàu cá tỉnh Cà Mau thì tàu cá BT - 94536-TS thuộc cấp tàu hạn chế II, được phép hoạt động tại vùng biển Việt Nam, giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 04/6/2022. Theo giấy phép khai thác thủy sản số 2362/2020/BT-GPKTTS ngày 08/9/2020 của Chi cục Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh B thì tàu cá BT - 94536-TS được phép đánh bắt nguồn lợi thủy sản, vùng hoạt động là vùng khơi - biển Việt Nam, giấy phép này có hiệu lực đến hết ngày 02/5/2024.

Tại thời điểm xảy ra sự cố cháy và chìm tàu cá BT 94536-TS thì thời hạn đăng kiểm, thời hạn hoạt động vẫn còn và trong thời hạn đang được bảo hiểm. Nguyên nhân dẫn đến sự cố cháy và chìm tàu BT - 94536-TS tại khu vực có tọa độ 07°35'N - 107°04'E thuộc vùng biển Vũng Tàu, Việt Nam theo kết quả giám định là do chập điện tạo nên tia lửa điện làm cháy dầu, cháy vật dụng xung quanh, sau đó cháy lan ra toàn bộ tàu cá và gây ra tổn thất, vì vậy nguyên nhân xảy ra sự cố cháy và chìm tàu là do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, không phải lỗi của chủ tàu và không có mối quan hệ nhân quả đối với vùng tàu cá đang hoạt động, neo đậu. Khi xảy ra sự cố, các thuyền viên trên tàu đã khẩn trương dập lửa nhưng không thể chữa được lửa bùng phát lên rất nhiều.

Khi ký kết hợp đồng bảo hiểm (cấp đơn bảo hiểm tàu cá), không có tài liệu, chứng cứ thể hiện bên mua bảo hiểm đã được phía bên bán bảo hiểm giải thích rõ ràng các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ N1 quy định về phân nhóm tàu để định biên an toàn tối thiểu thuyền viên tàu cá đã phân chia tàu cá thành 04 nhóm, đối với loại tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét thuộc nhóm 04, loại tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét thuộc nhóm 03, loại tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét thuộc nhóm 02 và tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên thuộc nhóm 01. Tại điểm a mục 1.2.4.1 Thông tư 07/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/7/2021 của Bộ N1 ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 24 mét quy định về dấu hiệu bổ sung thân tàu: Dấu hiệu II: Tàu cá được phép hoạt động ở vùng biển hồ hạn chế, cách xa bờ hoặc nơi trú ẩn không quá 100 hải lý. Như vậy theo quy định mới này thì loại tàu ở nhóm 02 và 03 có dấu hiệu cấp tàu hạn chế II đã được hoạt động cách xa bờ lên đến 100 hải lý. Tàu cá BT - 94536.TS là loại tàu thuộc nhóm 01 và đăng kiểm thuộc cấp tàu hạn chế II nên vùng biển hoạt động phải ngang bằng hoặc xa hơn tàu cá ở nhóm 02 và 03. Do đó, tàu cá BT - 94536.TS xảy ra sự cố vào ngày 12/11/2021 ở vị trí cách xa bờ gần nhất 65 hải lý là không vi phạm về vùng biển hoạt động. Do đó, yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường bảo hiểm của bà Lê Thị K - Chủ P1-94536-TS là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với số mức chi trả tiền bảo hiểm: theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật kinh doanh bảo hiểm: “Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị được giao kết, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng”. Do giá trị thực tế của tàu cá BT - 94536.TS là 6.000.000.000 đồng (vỏ tàu 3.300.000.000 đồng, máy: 2.700.000.000 đồng), số tiền bảo hiểm 2.500.000.000 đồng, tức tỷ lệ bảo hiểm là 41,67%. Theo kết quả giám định của Công ty trách nhiệm hữu hạn G xác định chi phí khắc phục tổn thất tàu cá số BT-945336 là 5.139.051.310 đồng, tuy nhiên trong tổng số tiền này có phần thiệt hại trang thiết bị trên tàu là 617.000.000 đồng không thuộc đối tượng bảo hiểm theo đơn yêu cầu bảo hiểm và bảng kê giá trị bảo hiểm nên chi phí khắc phục tổn thất tàu cá số BT-945336 theo đơn bảo hiểm được xác định là 4.522.051.310 đồng.

Do bà Lê Thị K - Chủ P1-94536-TS mua bảo hiểm với tỷ lệ 41,67% nên mức bồi thường bảo hiểm trong trường hợp này là $4.522.051.310 \text{ đồng} \times 41,67\% = 1.884.338.780 \text{ đồng}$. Theo quy định tại mục 11.6.2 của điều khoản bảo hiểm thân tàu cá quy định mức khấu hao đối với tàu cá BT - 94536.TS (đóng năm 2015) là 10%/số tiền bồi thường, vì vậy số tiền còn lại sau khi khấu hao là $1.884.338.780 \text{ đồng} - (1.884.338.780 \text{ đồng} \times 10\%) = 1.695.904.902 \text{ đồng}$. Theo đơn yêu cầu bảo hiểm thỏa thuận mức khấu trừ là 2,5% số tiền bồi thường theo thỏa thuận trong “đơn bảo hiểm”, nên số tiền bồi thường bảo hiểm sau khi khấu trừ là $1.695.904.902 \text{ đồng} - (1.695.904.902 \text{ đồng} \times 2,5\%) = 1.653.507.280 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền mà bà Lê Thị K - Chủ P1-94536-TS được Tổng Công ty cổ phần B1 bồi thường trong trường hợp này là 1.653.507.280 đồng.

[5] Về số tiền lãi suất: nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10% năm (tương đương 0,83%/tháng) từ ngày 23/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền bảo hiểm chậm trả. Do trong “đơn bảo hiểm” các bên không có thỏa thuận về thời hạn phải trả tiền bảo hiểm nên Tổng Công ty cổ phần B1 phải có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho nguyên đơn trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu trả tiền bảo hiểm theo quy định tại Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Ngày 20/11/2021, bà Lê Thị K - Chủ P1-94536-TS đã có đơn yêu cầu bảo hiểm; ngày 30/8/2022, Công ty B2 đã nhận được Báo cáo giám định của Công ty cổ phần T6. Do đó, việc bà Lê Thị K - Chủ P1-94536-TS yêu cầu tính lãi suất đối với tiền bảo hiểm chậm trả từ ngày 23/9/2022 là phù hợp và mức lãi suất yêu cầu là 10%/năm cũng phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Theo đó, cụ thể lãi suất chậm trả như sau: $1.653.507.280 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng} \times 29 \text{ ngày (từ ngày 23/9/2022 đến ngày 22/3/2023)} \times 0,83\%/\text{tháng} = 81.887.192 \text{ đồng}$.

[6] Theo thoả thuận trong “đơn bảo hiểm” cũng như đề nghị của bà Lê Thị K - Chủ P1-94536-TS và Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 thì tiền bảo hiểm đối với tàu cá BT - 94536.TS do Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 là người thụ hưởng nên cần ghi nhận sự thoả thuận này, Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 có trách nhiệm trừ số tiền đã nhận vào tiền nợ vay tại thời điểm Tổng Công ty cổ phần B1 thanh toán tiền bảo hiểm cho bà Lê Thị K - Chủ P1-94536-TS mà bà Lê Thị K - Chủ P1-94536-TS đang còn dư nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 theo các hợp đồng tín dụng số 12736.064/2021-HĐCVHM/NHCT78034 ngày 15/4/2021, hợp đồng tín dụng số 12736.065/2021-HĐCVHM/NHCT78034 ngày 15/4/2021 và hợp đồng tín dụng số 12736.010/2022-HĐCV/NHCT78034 ngày 25/01/2022. Trường hợp giữa bà Lê Thị K - Chủ P1-94536-TS và Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, các Điều 217, 218, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 29, 43, 46, 47 Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K - chủ Doanh nghiệp tư nhân P1 BT.99362.TS đối với Tổng Công ty cổ phần B1 về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm, cụ thể tuyên:

Buộc Tổng Công ty cổ phần B1 có trách nhiệm bồi thường cho bà Lê Thị K - chủ Doanh nghiệp tư nhân P1 BT.99362.TS số tiền 1.735.394.472 đồng (Một tỷ bảy trăm ba mươi lăm triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi hai) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 được thụ hưởng số tiền mà Tổng Công ty cổ phần B1 bồi thường cho bà Lê Thị K - chủ Doanh nghiệp tư nhân P1 BT.99362.TS trong phạm vi tương ứng với số tiền mà bà Lê Thị K - chủ Doanh nghiệp tư nhân P1 BT.99362.TS còn dư nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 vào thời điểm Tổng Công ty cổ phần B1 bồi thường bảo hiểm (dư nợ theo các hợp đồng tín dụng số 12736.064/2021-HĐCVHM/NHCT78034 ngày 15/4/2021, hợp đồng tín dụng số 12736.065/2021-HĐCVHM/NHCT78034 ngày 15/4/2021 và hợp đồng tín dụng số 12736.010/2022-HĐCV/NHCT78034 ngày 25/01/2022 giữa bà Lê Thị K - chủ Doanh nghiệp tư nhân P1 BT.99362.TS và Ngân hàng Thương mại cổ phần C1). Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 có trách nhiệm khấu trừ số tiền thụ hưởng vào số tiền dư nợ vay mà bà Lê Thị K - chủ Doanh nghiệp tư nhân P1 BT.99362.TS còn nợ Ngân hàng cổ phần C1 tại thời điểm nhận tiền bồi thường bảo hiểm và bà Lê Thị K - chủ Doanh nghiệp tư nhân P1 BT.99362.TS được nhận số tiền bồi thường bảo hiểm còn lại khi đã thanh toán xong tổng dư nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C1. Trường hợp tại thời điểm Tổng Công ty cổ phần B1 bồi thường tiền bảo hiểm nêu trên, bà Lê Thị K - chủ Doanh nghiệp tư nhân P1 BT.99362.TS đã thanh toán tất nợ vay cho Ngân hàng cổ phần C1 thì bà Lê Thị K - chủ Doanh nghiệp tư nhân P1 BT.99362.TS được nhận toàn bộ số tiền bảo hiểm nêu trên từ Tổng Công ty cổ phần B1.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K - chủ Doanh nghiệp tư nhân P1 BT.99362.TS đối với Tổng Công ty cổ phần B1 về việc yêu cầu bồi thường số tiền bảo hiểm là 846.492.720 (T5 trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi) đồng và số tiền lãi suất đối với số tiền này.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc Tổng Công ty cổ phần B1 phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: là 64.062.000 (Sáu mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

- Bà Lê Thị K - chủ Doanh nghiệp tư nhân P1.99362.TS không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 41.410.000 (Bốn mươi một triệu bốn trăm mười nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010023 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

4. Án phí phúc thẩm:

Tổng Công ty cổ phần B1 phải chịu án phí là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0002816 ngày 13/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng